CTCP Tập đoàn Dabaco Việt Nam (HSX: DBC)

FireAnt

Ngày 31/03/2024	32,400 VNĐ		
	1 tháng	3 tháng	6 tháng
Thay đổi	10.2%	18.9%	47.9%

ROE 2023: 0.5% | +/- YoY: ▲ 0.4%

DT thuần Q1/24: 3,253 tỷ VNĐ | QoQ: ▲ 639 ▲ 24.4% | YoY: ▲ 939 ▲ 40.6%

DT thuần 2023: 11,110 tỷ VNĐ | YoY: ▼ 448 ▼ 3.9%

LN gộp Q1/24: 349 tỷ VNĐ | QoQ: ▲ 107 ▲ 44.1% | YoY: ▲ 420 ▲ 595%

LN gộp 2023: 1,114 tỷ VNĐ | YoY: ▲ 154 ▲ 16.1%

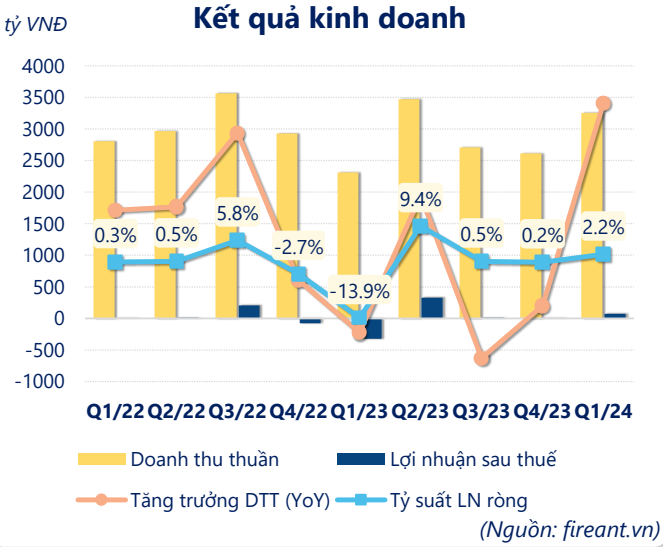
LN thuần Q1/24: 98.2 tỷ VNĐ | QoQ: ▲ 99.8 ▲ 6393% | YoY: ▲ 410 ▲ 131%

LN thuần 2023: 77.7 tỷ VNĐ | YoY: ▲ 36.8 ▲ 89.9%

LN sau thuế Q1/24: 72.6 tỷ VNĐ | QoQ: ▲ 66.2 ▲ 1026% | YoY: ▲ 394 ▲ 123%

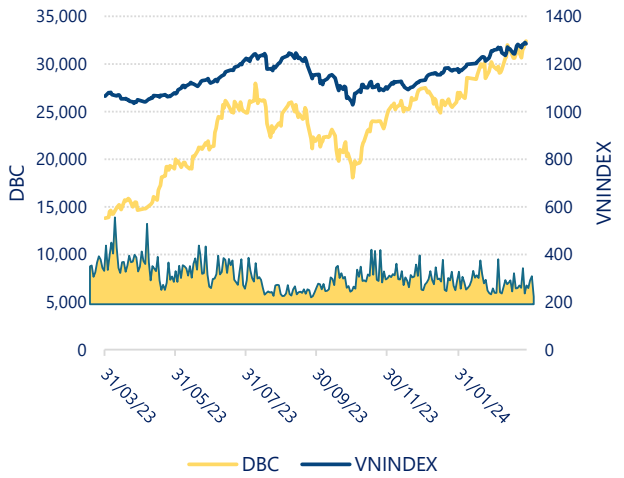
LN sau thuế 2023: 25.0 tỷ VNĐ | YoY: ▲ 19.8 ▲ 381%

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

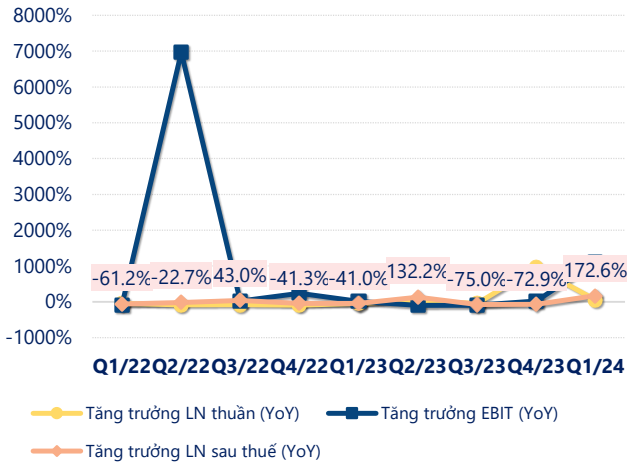


Powered by Infographic
https://fireant.vn/

CTCP Tập đoàn Dabaco Việt Nam (HSX: DBC)

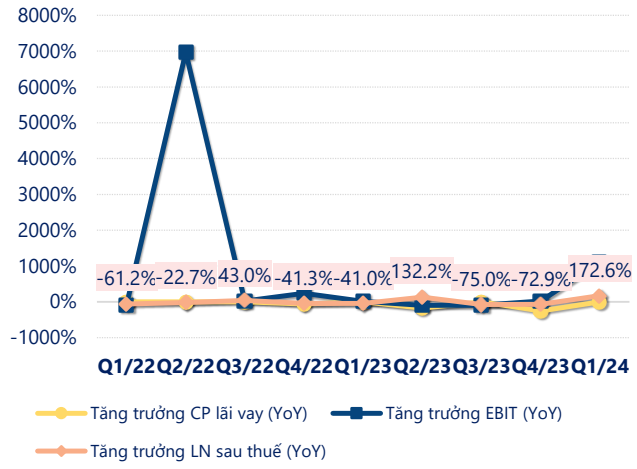
FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận



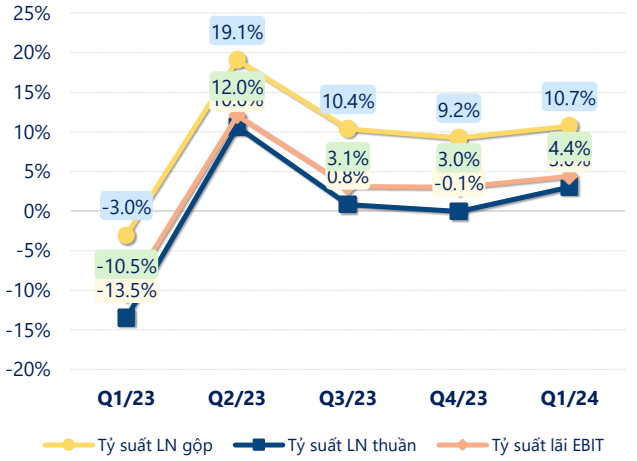
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



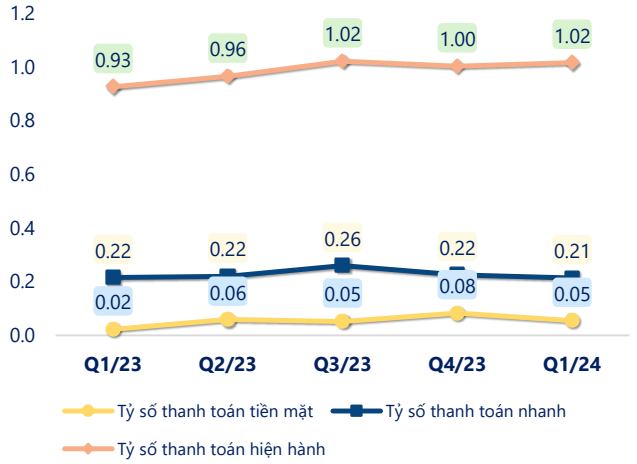
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



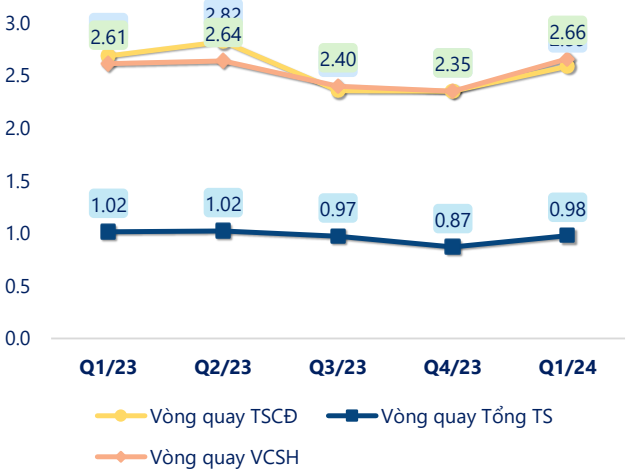
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



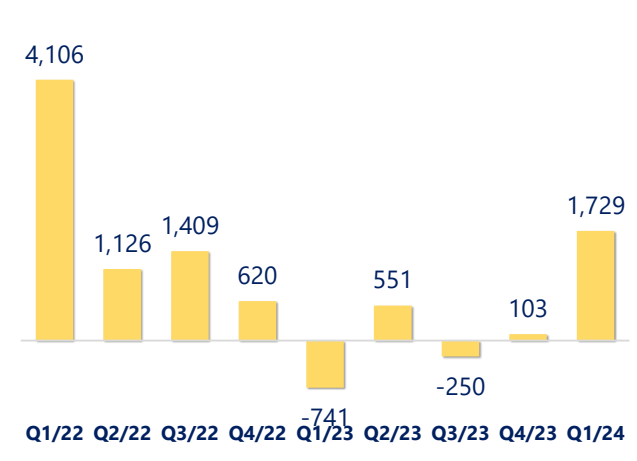
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

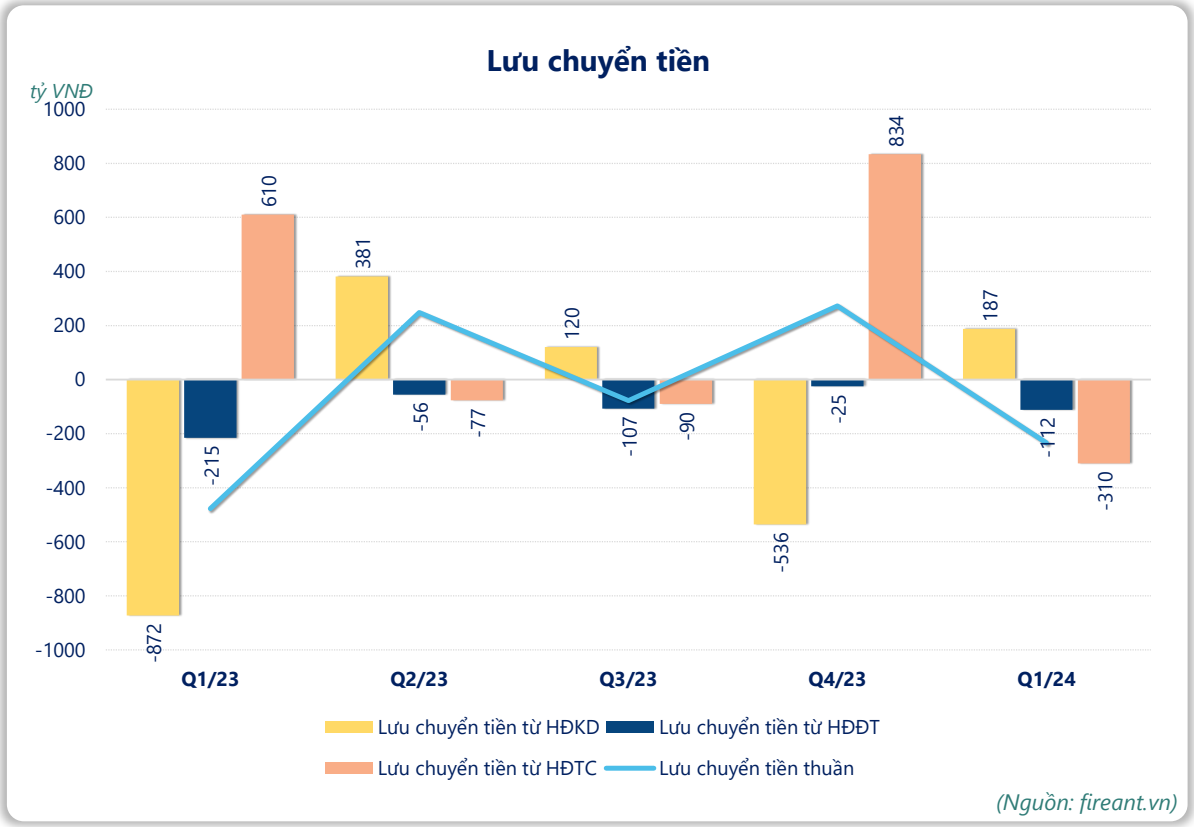


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Tập đoàn Dabaco Việt Nam (HSX: DBC)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**3,253**	**2,314**	**40.6%**	**11,110**	**11,558**	**-3.9%**
Giá vốn hàng bán	2,904	2,384	21.8%	9,996	10,598	-5.7%
Lợi nhuận gộp	349	-70.5	595%	1,114	960	16.1%
Doanh thu HĐTC	7.14	8.02	-11.0%	35.8	28.8	24.2%
Chi phí TC	50.9	69.6	-26.9%	281	201	39.9%
Chi phí lãi vay	43.5	68.7	-36.6%	262	180	45.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**-2.77**	**0.01**	**-31450%**
Chi phí bán hàng	110	97.6	13.0%	432	403	7.3%
Chi phí QLDN	**96.7**	**82.4**	**17.3%**	**356**	**344**	**3.7%**
LN thuần từ HĐKD	98.2	-312	131%	77.7	40.9	89.9%
Lợi nhuận khác	**1.23**	**1.27**	**-3.5%**	**20.0**	**38.1**	**-47.4%**
LN trước thuế	99.4	-311	132%	97.7	79.0	23.8%
Lợi nhuận sau thuế	**72.6**	**-321**	**123%**	**25.0**	**5.19**	**381%**
LNST của CĐ cty mẹ	**72.6**	**-321**	**123%**	**25.0**	**5.19**	**381%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)